

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2020/HS-ST

Ngày: 28-8-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quang Tuấn
- *Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Dụ
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Hoàng Kim Bảng
Bà Phan Thị Bích
Ông Nguyễn Trần Phương

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:***
Ông Lê Quý Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 46/TLST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị Thu Th, sinh ngày 04 tháng 11 năm 1981; tại xã Cổ Nghĩa, huyện Lạc Thủy; nơi cư trú: Khu , thị trấn Cao Phong, huyện C, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Nguyên là Cán bộ Bưu điện huyện C; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Bá Ph, sinh năm 1952 và con bà Vũ Thị X, sinh năm 1958; có chồng là Bùi Quang Đ, sinh năm: 1981 (đã ly hôn); có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt tạm giam ngày 24/12/2018. Hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình. “Có mặt”.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Văn D- Luật sư, Văn phòng luật sư Lỗ Hữu Thạch thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hòa Bình. “Có mặt”.

Bị hại: Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H. Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Xuân L – Giám đốc, người đại diện theo ủy quyền ông Mai Khắc H - Phó Giám đốc (văn bản ủy quyền ngày 26/8/2020) “*Có mặt*”.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bưu điện huyện C; địa chỉ: Thị trấn C, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. Đại diện ông Nguyễn Bạch V - Giám đốc “*Có mặt*”.

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Góc Xanh, xã Phú Nghĩa, huyện Lạc Thủy, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

Cán bộ Bưu điện huyện C:

01. Bà Nguyễn Thị Hồng G; địa chỉ: Tổ ..., phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

02. Ông Nguyễn Bạch V; địa chỉ: Tổ ... phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

03. Bà Nguyễn Thị Kim Th; địa chỉ: Khu 3, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

Cán bộ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt thẩm định hồ sơ vay:

04. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Tổ ..., phường Đồng Tiến, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có đơn xin xử vắng mặt*”.

05. Bà Hồ Thị Mai L; địa chỉ: Tổ, phường Thống Nhất, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

06. Bà Mai Thu H; địa chỉ: Tổ ..., phường Phương Lâm, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có đơn xin xử vắng mặt*”.

07. Ông Nguyễn Văn V; địa chỉ: Tổ 15, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có đơn xin xử vắng mặt*”.

08. Bà Nguyễn Thanh H; địa chỉ: Phố Tân Lập ..., xã Trung Minh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có đơn xin xử vắng mặt*”.

09. Bà Trịnh Ánh T; địa chỉ: Căn hộ liền kề, khu chung cư Dạ Hợp, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. “*Có đơn xin xử vắng mặt*”.

Khách hàng vay vốn:

10. Bà Ngô Thị T, sinh năm 1967; địa chỉ: Đội Tây Phong, xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Vắng mặt*”.

11. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1951; địa chỉ: xóm Bãi Bê 2, Xã Dũng Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Vắng mặt*”.

12. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1968; địa chỉ: Đội Tây Phong, xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Vắng mặt*”.

13. Ông Lý Thái Th, sinh năm 1952; địa chỉ: Xóm Nam Sơn 2, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

14. Bà Bùi Thị N, sinh năm 1952; địa chỉ: Phố Bằng, xã Tây Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

15. Ông Nguyễn Đức L, sinh năm 1959 ; địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

16. Bà Lương Thị D sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm Khụ, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

17. Ông Lê Văn Tr, sinh năm 1964; địa chỉ: Khu 1, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

18. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm Nam Sơn 2, xã Thu Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

19. Bà Trần Thị Nh, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu 3, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

20. Bà Phạm Thị M, sinh năm 1972; địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

21. Bà Bùi Thị Ng, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm Quáng Ngoài, xã Đông Phong (nay là xã Hợp Phong), huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

Người làm chứng:

22. Chị Lê Thị Nh; địa chỉ: Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong, tỉnh Hòa Bình. “*Có mặt*”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 12/3/2013, Tổng công ty Bưu điện Việt Nam và Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) Bưu điện Liên Việt ký kết hợp đồng số: 05-2013/HĐSPDVNH/VNPOST-LPB về việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ ngân hàng tại hệ thống các Phòng giao dịch bưu điện. Ngày 25/11/2013 Ngân hàng Bưu điện Liên Việt ban hành quyết định số: 611/2013/QĐ-HĐQT, thành lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt -Chi nhánh H.

Ngày 11/4/2015 Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh H (**sau đây gọi tắt là Ngân hàng**) ban hành quyết định số: 2221/QĐ-LienVietPostBank, Quyết định về việc triển khai sản phẩm tín dụng “Sản phẩm cho vay tiêu dùng - Tín dụng hưu trí Phòng giao dịch Bưu điện” tại 47 Tỉnh/Thành Phố. Tỉnh Hòa Bình được thành lập 16 điểm giao dịch tại 16 Bưu cục trong đó có Phòng giao dịch Bưu điện huyện C số thứ tự 675; Mã Bưu cục 353700.

Nguyễn Thị Thu Th nguyên là Giao dịch viên - Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao Phong. Do Nguyễn Thị Thu Th có vay một số khoản tiền của các đối tượng ngoài xã hội nhưng không có khả năng trả nợ và cần tiền để chi tiêu, sử dụng vào mục đích cá nhân, nên từ năm 2016 đến tháng 10/2018 Nguyễn Thị Thu Th đã lợi dụng vai trò, nhiệm vụ được giao là Giao dịch viên phụ trách mảng tín dụng cho vay của Ngân hàng đối với các đối tượng hưu trí lĩnh lương tại Bưu điện huyện Cao Phong để thực hiện hành vi gian dối lập không 34 bộ hồ sơ vay vốn chiếm đoạt số tiền 5.134.000.000đ (*Năm tỷ một trăm ba mươi tư triệu đồng*) và tự ý giữ lại, không nộp số tiền vay trả trước thời hạn của 12 khách hàng, chiếm đoạt số tiền 938.754.000đ (*Chín trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*) của Ngân hàng. Cụ thể như sau:

1. Hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”:

Nguyễn Thị Thu Th lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao là Giao dịch viên đã thực hiện hành vi gian dối lập không hồ sơ vay vốn bằng thủ đoạn ký giả mạo chữ ký khách hàng, chữ ký kiểm soát viên, chữ ký Giám đốc Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao phong để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Trong các năm, từ năm 2016 đến tháng 10 năm 2018 Th đã lập không tổng cộng 34 hồ sơ vay vốn mang tên 34 cá nhân có danh sách lĩnh lương hưu tại Bưu điện huyện Cao phong để chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền là 5.134.000.000đ, (Đến nay đã khắc phục được số tiền là 1.051.973.193 đồng). Cụ thể:

1. Lê Thị Th, trú tại xóm Cun, xã Thu Phong, huyện Cao Phong vay ngày 28/01/2016 với số tiền: 100.000.000 đồng;

2. Hoàng Văn Th, trú tại Khu 5b, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 23/3/2018 với số tiền: 110.000.000 đồng;

3. Trần Khắc D, trú tại Khu 5b, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 03/02/2017 với số tiền: 200.000.000 đồng;

4. Nguyễn Thị H, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 04/11/2018 với số tiền: 140.000.000 đồng;

5. Nguyễn Xuân H, trú tại xã Tây Phong, huyện Cao Phong vay ngày 27/02/2017 với số tiền: 170.000.000 đồng;
6. Lê Duy Th, trú tại xóm Lãi, xã Tây Phong, huyện Cao Phong vay ngày 27/02/2017 với số tiền: 200.000.000 đồng;
7. Nguyễn Thị M, trú tại xóm Khụ, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong vay ngày 15/12/2016 với số tiền: 120.000.000 đồng;
8. Đào Thị Th, trú tại đội Tây Phong, xã Tây Phong, huyện Cao Phong vay ngày 14/3/2018 với số tiền: 150.000.000 đồng;
9. Nguyễn Đăng Kh, trú tại xóm Đồng Mới, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong vay ngày 08/7/2018 với số tiền: 100.000.000 đồng;
10. Đinh Thị S, trú tại Khu 1, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 22/3/2018 với số tiền: 100.000.000 đồng;
11. Bùi Hồng M, trú tại Khu 1, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 13/4/2018 với số tiền: 134.000.000 đồng;
12. Cao Thị H, trú tại xóm Nam Thành, xã Nam Phong, huyện Cao Phong vay ngày 11/3/2017 với số tiền: 180.000.000 đồng;
13. Hà Thị Ph, trú tại xã Thu Phong, huyện Cao Phong vay ngày 25/11/2016 với số tiền: 95.000.000 đồng;
14. Vũ Thị Th, trú tại xóm Khụ, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong vay ngày 04/5/2016 với số tiền: 84.000.000 đồng;
15. Bùi Đình Th, trú tại xóm Nai, xã Thung Nai, huyện Cao Phong vay ngày 14/8/2018 với số tiền: 60.000.000 đồng;
16. Nguyễn Thị L, trú tại xóm Tiềng, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong vay ngày 29/01/2016 với số tiền: 140.000.000 đồng;
17. Nguyễn Hồng Đ, trú tại xóm Cun, xã Thu Phong, huyện Cao Phong vay ngày 28/01/2016 với số tiền: 79.000.000 đồng;
18. Bùi Thế B, trú tại xóm Trẹo, xã Nam Phong, huyện Cao Phong vay ngày 15/11/2017 với số tiền: 130.000.000 đồng;
19. Vũ Quang Ng, trú tại xóm Bảm, xã Tây Phong, huyện Cao Phong vay ngày 21/3/2017 với số tiền: 145.000.000 đồng;
20. Nguyễn Thị Hà Lý, trú tại xóm Khụ, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong vay ngày 02/01/2018 với số tiền: 175.000.000 đồng;
21. Phạm H, trú tại Khu 1, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 13/4/2018 với số tiền: 200.000.000 đồng;

22. Bùi Thị D, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 11/4/2018 với số tiền: 175.000.000 đồng;

23. Lâm Thị N, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 21/3/2018 với số tiền: 100.000.000 đồng;

24. Nguyễn Viết Th, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 25/9/2017 với số tiền: 235.000.000 đồng;

25. Nguyễn Đình T, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 13/4/2018 với số tiền: 100.000.000 đồng;

26. Vũ Văn A, trú tại Khu 3, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 01/5/2018 với số tiền: 300.000.000 đồng;

27. Đỗ Thị Th, trú tại Khu 4, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 01/02/2016 với số tiền: 132.000.000 đồng;

28. Nguyễn Thị H, trú tại Khu 5b, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 12/9/2017 với số tiền: 150.000.000 đồng;

29. Nguyễn Xuân L, trú tại Khu 5a, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 30/6/2017 với số tiền: 250.000.000 đồng;

30. Nguyễn Ngọc Đ, trú tại Khu 8, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 14/6/2018 với số tiền: 225.000.000 đồng;

31. Nguyễn Văn B, trú tại xã Thu Phong, huyện Cao Phong vay ngày 23/5/2018 với số tiền: 250.000.000 đồng;

32. Nguyễn Thị L, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong vay ngày 05/6/2017 với số tiền: 140.000.000 đồng;

33. Triệu Thị Th, trú tại xóm Trẹo Ngoài, xã Nam Phong, huyện Cao Phong vay ngày 14/6/2018 với số tiền: 150.000.000 đồng;

34. Nguyễn Thị Th, trú tại xóm Khụ, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong vay ngày 22/3/2018 với số tiền: 115.000.000 đồng;

2. Hành vi “Tham ô tài sản”:

Từ năm 2016 đến tháng 10 năm 2018, có 12 khách hàng vay thực tế tại Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao Phong đến làm thủ tục tất toán khoản vay trước thời hạn theo hợp đồng vay vốn đã ký kết. Nguyễn Thị Thu Th không thực hiện việc tất toán khoản vay cho khách hàng theo đúng quy định của Ngân hàng mà tự ý giữ lại tiền của khách hàng trả cho Ngân hàng, không báo cáo, không nộp tiền lên hệ thống và đã chiếm đoạt của tổng số tiền 938.754.000đ (*Chín trăm ba mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi tư nghìn đồng*) của Ngân hàng. Cụ thể:

1. Bà Ngô Thị T, trú tại đội Tây Phong, xã Tây Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 49.990.000 đồng;

2. Bà Nguyễn Thị Th, trú tại xóm Bãi Bệ 2, xã Dũng Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 66.660.000 đồng;

3. Bà Nguyễn Thị Q, trú tại Đội Tây Phong, xã Tây Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 58.568.000 đồng;

4. Ông Lý Thái Th, trú tại xóm nam Sơn 2, xã Thu Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 126.652.000 đồng;

5. Bà Bùi Thị N, trú tại phố Bằng, xã Tây Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 72.000.000 đồng;

6. Ông Nguyễn Đức L, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 175.000.000 đồng;

7. Bà Lương Thị D, trú tại xóm Khụ, xã Bắc Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 77.500.000 đồng;

8. Ông Lê Văn Tr, trú tại Khu 1, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 34.990.000 đồng;

9. Bà Nguyễn Thị Đ, trú tại xóm Nam Sơn 2, xã Thu Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 35.978.000 đồng;

10. Bà Trần Thị Nh, trú tại Khu 3, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 100.750.000 đồng;

11. Bà Phạm Thị M, trú tại Khu 2, thị trấn Cao Phong, huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 90.676.000 đồng;

12. Bà Bùi Thị Ng, trú tại xóm Quáng Ngoài, xã Đông Phong (nay là Hợp Phong), huyện Cao Phong. Thảo chiếm đoạt: 49.990.000 đồng;

Sau khi phát hiện ra những sai phạm của Nguyễn Thị Thu Th. Ngày 17/10/2018, Bưu điện tỉnh Hòa Bình có Công văn số 1496/BĐHB-CV gửi đến Công an tỉnh Hòa Bình đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật đối với hành vi của Nguyễn Thị Thu Th.

Tại các Kết luận giám định của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hòa Bình kết luận đối với 34 hồ sơ do Nguyễn Thị Thu Th lập không đã xác định tên khách hàng vay vốn, các chữ ký, chữ viết tên khách hàng đều do Thảo ký và viết ra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Hòa Bình đã thu giữ vật chứng gồm: 46 hồ sơ tín dụng các loại trong đó có 34 hồ sơ bị lập không và 12 hồ sơ khách hàng có vay song đã tất toán khoản vay trước hạn nhưng bị cáo Th

không thực hiện việc tất toán theo quy định. Toàn bộ số vật chứng trên được lưu giữ trong Hồ sơ vụ án để phục vụ việc xét xử.

Tại bản Cáo trạng số 10/CT-VKS-P2 ngày 04 tháng 02 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình truy tố Nguyễn Thị Thu Th về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Tham ô tài sản theo điểm a, khoản 4 Điều 174 và điểm a, khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về hành vi phạm tội: Nguyễn Thị Thu Th là người có đầy đủ trình độ, nhận thức và năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do cần tiền để sử dụng chi tiêu vào mục đích cá nhân và trả các khoản nợ vay bên ngoài xã hội. Từ năm 2016 đến tháng 10/2018 Nguyễn Thị Thu Th với vai trò, chức trách là Giao dịch viên đã thực hiện hành vi gian dối, giả mạo chữ ký, chữ viết của những người đang lĩnh lương hưu tại Bưu điện huyện Cao Phong lập khống 34 hồ sơ vay vốn để chiếm đoạt tổng số tiền 5.134.000.000 đồng.

Đồng thời, Nguyễn Thị Thu Th còn lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn được giao, bằng thủ đoạn không làm thủ tục tất toán, giữ lại số tiền trả nợ vốn vay trước kỳ hạn của khách hàng để chiếm đoạt số tiền. Căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án xác định tổng số tiền chiếm đoạt của bị cáo là 595.940.000 đồng trên 07 hồ sơ vay vốn, hành vi này của bị cáo cấu thành tội Tham ô tài sản. Số tiền còn lại 342.841.000 đồng được thể hiện trên 05 hồ sơ vay vốn mang tên bà Nguyễn Thị Th (66.660.000 đồng); bà Bùi Thị N (72.000.000 đồng), bà Nguyễn Thị Đ (35.987.000 đồng); bà Lương Thị D (77.500.000 đồng) và bà Phạm Thị M (90.676.000 đồng) đây là số tiền mà bị cáo Th đã gian dối trong việc lập hồ sơ vay vốn “vay ké” để chiếm đoạt. Căn cứ Điều 319 BLTTHS kiểm sát viên tại phiên tòa kết luận hành vi này không phải là hành vi tham ô tài sản như cáo trạng đã truy tố mà là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Do vậy xác định tổng số tiền bị cáo đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản là (5.134.000.000 đồng + 342.814.000 đồng = 5.476.814.000 đồng). Tổng số tiền bị cáo tham ô tài sản chiếm đoạt là 595.940.000 đồng.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 174 BLHS năm 2015; điểm g, khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo từ 14 đến 15 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 353 BLHS năm 2015; điểm b, s khoản 1, khoản 2 BLHS năm 2015; xử phạt bị cáo từ 15 đến 16 năm tù về tội Tham ô tài sản. Căn cứ khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự 2015, buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu Th

phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 29 đến 30 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 24/12/2018.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H.

- *Người bào chữa cho bị cáo trình bày:* Đồng ý với quan điểm luận tội của Viện kiểm sát đối với bị cáo về hành vi, tội danh Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Tham ô tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có nhân thân tốt, thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, đã bồi thường được một phần số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng với tổng số tiền là 1.151.973.193 đồng, gia đình có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấp hơn mức đại diện Viện kiểm sát đề nghị.

- *Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th:* Đồng ý với quan điểm bào chữa của người bào chữa và không bổ sung nội dung gì.

- *Đại diện Ngân hàng trình bày:* Hành vi phạm tội của bị cáo đã bị điều tra, truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Đề nghị HĐXX buộc bị cáo Th phải bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng như Viện kiểm sát đã xác định, về trách nhiệm hình sự đề nghị HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện khắc phục hậu quả.

- *Chị Nguyễn Thị Thu H trình bày:* Ngày 24 tháng 8 năm 2020, chị đã nộp tiền vào Ngân hàng số tiền 100.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo Th tác động gia đình khắc phục một phần thiệt hại đối với tội Tham ô tài sản, gia đình không yêu cầu bị cáo trả lại.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất hối hận vì hành vi phạm tội bị cáo gây ra, bị cáo xin lỗi cơ quan Bưu Điện huyện Cao Phong, Ngân hàng và những khách hàng vay vốn có liên quan, mong nhận được sự khoan hồng của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo mức án thấp nhất để sớm được trở về với gia đình, làm lại cuộc đời và khắc phục hậu quả gây ra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an tỉnh Hòa Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được tổng đạt hợp lệ văn bản của Tòa án về thời gian mở phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt. Xét thấy họ có đầy đủ lời khai tại cơ quan điều tra, trước khi mở phiên tòa không có đề nghị thay đổi gì khác nên việc vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên theo Điều 292, 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Về việc áp dụng pháp luật: Tại thời điểm bị cáo bắt đầu phạm tội BLHS năm 1999 đang có hiệu lực pháp luật nhưng tại thời điểm xét xử thì BLHS năm 2015 đã có hiệu lực thi hành, xem xét tại khoản 4 Điều 174 và khoản 3 Điều 353 BLHS năm 2015 có khung về hình phạt bằng và thấp hơn so với Điều luật tương ứng của BLHS năm 1999. Theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự, áp dụng Điều luật của BLHS năm 2015 để xét xử đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của của bị hại, người liên quan và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đã xác định như sau:

3.1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản:

Nguyễn Thị Thu Th lợi dụng chức trách, nhiệm vụ được giao là Giao dịch viên đã thực hiện hành vi gian dối lập khống hồ sơ vay vốn bằng thủ đoạn ký giả mạo chữ ký khách hàng, chữ ký kiểm soát viên, chữ ký giám đốc Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao phong để chiếm đoạt tiền của Ngân hàng. Trong các năm, từ năm 2016 đến tháng 10 năm 2018 Th đã lập khống tổng cộng 34 hồ sơ vay vốn mang tên 34 cá nhân có danh sách lĩnh lương hưu tại Bưu điện huyện Cao phong để chiếm đoạt của Ngân hàng số tiền là 5.134.000.000 đồng.

Mặt khác, bị cáo còn gian dối trong việc lập hồ sơ vay vốn “vay ké” trên 05 hồ sơ vay vốn của bà Nguyễn Thị Th; bà Bùi Thị N, bà Nguyễn Thị Đ; bà

Lương Thị D và bà Phạm Thị M để chiếm đoạt số tiền 342.814.000 đồng. Căn cứ Điều 319 BLTTHS kiểm sát viên tại phiên tòa kết luận hành vi này không phải là hành vi tham ô tài sản như cáo trạng đã truy tố mà là hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ.

Do vậy, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản với tổng số tiền là 5.476.814.000 đồng được quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng đã truy tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Ngân hàng, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm thiệt hại đến kinh tế của bị hại, xâm phạm đến những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức. Cần có mức hình phạt tương xứng, phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng để trừng trị, cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội cũng như đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

3.2.Hành vi tham ô tài sản:

Từ năm 2016 đến tháng 10 năm 2018, có 07 khách hàng vay thực tế tại Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao Phong, sau khi vay một thời gian các khách hàng đã làm thủ tục tắt toán khoản vay trước thời hạn theo hợp đồng vay vốn đã ký kết. Nguyễn Thị Thu Th không thực hiện việc tắt toán khoản vay cho khách hàng theo đúng quy định của Ngân hàng mà tự ý giữ lại tiền của khách hàng trả cho Ngân hàng, không báo cáo, không nộp tiền lên hệ thống và đã chiếm đoạt của tổng số tiền **595.940.000** đồng của Ngân hàng. Cụ thể trên các hồ sơ vay vốn của:

1. Bà Ngô Thị T 49.990.000 đồng;
2. Bà Nguyễn Thị Q 58.568.000 đồng;
3. Ông Lý Thái Th 126.652.000 đồng;
4. Ông Nguyễn Đức L 175.000.000 đồng;
5. Ông Lê Văn T 34.990.000 đồng;
6. Bà Trần Thị Nh 100.750.000 đồng;
7. Bà Bùi Thị Ng 49.990.000 đồng;

Có đủ căn cứ kết luận bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phạm tội Tham ô tài sản theo điểm a, khoản 3 Điều 353 Bộ luật Hình sự năm 2015 như cáo trạng đã truy

tố và luận tội của Kiểm sát viên tại phiên đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của Ngân hàng, bị xã hội lên án, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, làm thiệt hại đến kinh tế của bị hại, xâm phạm đến những quan hệ xã hội liên quan đến hoạt động bình thường của các cơ quan, tổ chức. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc nhóm tội tham nhũng nên cần xử bị cáo nghiêm khắc nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong công tác đấu tranh tội phạm.

3.3. Các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự (*phạm tội từ 02 lần trở lên*) tại điểm g khoản 1 Điều 51 BLHS đối với tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường được một phần số tiền đã chiếm đoạt cho Ngân hàng với tổng số tiền là 1.151.973.193 đồng, gia đình có công với cách mạng (bố được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng nhì), bị hại là Ngân hàng cũng có đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện khắc phục hậu quả. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Về trách nhiệm dân sự:

Nguyễn Thị Thu Th phải có trách nhiệm bồi thường trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh H tổng số tiền là: 6.072.754.000 đồng. Xác nhận trước đó bị cáo đã trả 1.051.973.193 đồng đến ngày 24/8/2020 tiếp tục trả cho Ngân hàng với tổng số tiền là 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả của tội Tham ô tài sản, do vậy số tiền Th còn phải bồi thường là 4.920.780.807 đồng. (*Bốn tỷ chín trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm linh bảy đồng*)

[5]. Các nội dung liên quan khác:

- Đối với những cán bộ thuộc Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh tỉnh Hòa Bình gồm Nguyễn Thị D; Hồ Thị Mai L; Mai Thu H; Nguyễn Văn V; Nguyễn Thanh H và Trịnh Ánh T là người thẩm định hồ sơ vay vốn do bị cáo Th

lập. Căn cứ kết luận giám định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam- Chi nhánh tỉnh H và kết quả điều tra đã xác định những cán bộ thẩm định có liên quan đã thực hiện đúng trách nhiệm và không có dấu hiệu đồng phạm cũng như được hưởng lợi ích gì từ Nguyễn Thị Thu Th. Do đó, Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

- Đối với bà Nguyễn Thị Hồng G - Giám đốc Bưu điện huyện Cao Phong từ 01/6/2015 đến 31/01/2017 và ông Nguyễn Bạch V- Giám đốc Bưu điện huyện Cao phong từ tháng 02/2017 đến nay. Trên cơ sở kết quả điều tra, xác minh đến nay không thu thập được tài liệu chứng cứ chứng minh bà Gầm và ông Vũ có liên quan, đồng phạm với bị cáo Th. Bà G, ông V không được nhận tiền hay lợi ích vật chất nào khác từ Th, đồng thời việc ký xác nhận vào hồ sơ của bà G, ông V để hoàn tất thủ tục khi đã có đủ các điều kiện, nội dung theo quy định, không có tính quyết định việc cho vay và giải ngân. Cơ quan điều tra đã có văn bản Kiến nghị Bưu điện tỉnh Hòa Bình xem xét xử lý trách nhiệm với vai trò là người đứng đầu đối với bà G và ông V.

- Đối với Nguyễn Thị Kim Th- Kiểm soát viên Bưu điện huyện Cao Phong. Quá trình điều tra xác định Nguyễn Thị Kim Th không có dấu hiệu đồng phạm với Th, không được nhận tiền hoặc lợi ích vật chất nào khác từ Th. Những sơ hở, thiếu sót trong việc quản lý con dấu, mật khẩu của Nguyễn Thị Kim Th có nguyên nhân chủ yếu do yêu cầu phục vụ công việc chung của đơn vị và có nguyên nhân khách quan trong đó, có nguyên nhân từ việc chưa quy định chặt chẽ, chưa phù hợp với công việc thực tế phát sinh trong các quy định, quy trình về quản lý con dấu, mật khẩu của Bưu điện tỉnh Hòa Bình, Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt chi nhánh H. Nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý về hình sự đối với bà Nguyễn Thị Kim Th là có căn cứ.

- Đối với 12 khách hàng gồm các ông, bà Ngô Thị T; Nguyễn Thị Th; Nguyễn Thị Q; Lý Thái Th; Bùi Thị N; Nguyễn Đức L; Lương Thị D; Lê Văn Tr; Nguyễn Thị Đ; Trần Thị Nh; Phạm Thị M; Bùi Thị Ng, có hồ sơ vay tiền tại Phòng giao dịch Bưu điện huyện Cao Phong, tuy nhiên thực tế các khách hàng trên đã trả nợ hoặc làm thủ tục tắt toán khoản vay trước thời hạn theo hợp đồng vay vốn đã ký kết, do vậy trách nhiệm trả nợ của họ cho Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh H đã thực hiện xong, không còn phát sinh quyền và nghĩa vụ nào khác với Ngân hàng.

[6] . Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm.

Kiến nghị Bưu điện tỉnh Hòa Bình trong phạm vi nhiệm vụ, chức năng được giao cần kiểm tra, chỉ đạo trong công tác quản lý, thực hiện các dịch vụ

Ngân hàng tại các Bưu cục trong tỉnh, xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp khắc phục vi phạm.

Kiến nghị Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Hòa Bình trong công tác quản lý, kiểm tra thẩm định đối với các loại hình tín dụng nói chung và gói sản phẩm cho vay tiêu dùng -tín dụng hưu trí tại phòng giao dịch Bưu điện nói riêng tránh không để sai phạm tương tự xảy ra.

[7]. Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g, khoản 1 Điều 52, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Căn cứ điểm a, khoản 3 Điều 353; điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 về tội “ Tham ô tài sản”;

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật Hình sự năm 2015

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phạm các tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Tham ô tài sản.

Xử phạt: Nguyễn Thị Thu Th: 13 (*mười ba*) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, 15 (*mười lăm*) năm tù về tội Tham ô tài sản. Nguyễn Thị Thu Th phải chấp hành tổng hợp hình phạt chung cả hai tội là 28 (*hai mươi tám*) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 24/12/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 589; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc Nguyễn Thị Thu Th phải có trách nhiệm bồi thường trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bưu điện Liên Việt- Chi nhánh Hòa Bình tổng số tiền cho cả hai tội là: 4.920.780.807 đồng (*Bốn tỷ chín trăm hai mươi triệu bảy trăm tám mươi nghìn tám trăm linh bảy đồng*)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

"Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự "

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 BLTTHS, điểm a,c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016- UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu Th phải 200.000 đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 112.920.780 đ (*một trăm mười hai triệu chín trăm hai mươi nghìn bảy trăm tám mươi đồng*) án phí dân sự.

4. Về quyền kháng cáo đối với Bản án:

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TANDCC; VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Công an tỉnh Hòa Bình;
- Trai tạm giam Công an tỉnh Hòa Bình;
- Cục Thi hành án tỉnh Hòa Bình;
- Sở tư pháp; Bưu điện tỉnh Hòa Bình
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HS; Tổ Hành chính tư pháp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quang Tuấn